



Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Vân  
Email: nhvan-  
camthanh@quangngai.gov.vn  
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG CẨM THÀNH, ỦY  
BAN NHÂN DÂN TỈNH  
QUẢNG NGÃI  
Ngày ký: 01-10-2025 10:18:12  
+07:00

Mẫu số 01

HỘ GIA ĐÌNH  
Lê Thị Thanh Tùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

### THÔNG BÁO

Phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ  
có đầu nối với hệ thống điện quốc gia của hộ gia đình

Kính gửi: UBND Phường Cẩm Thành

Căn cứ Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới.

Hộ gia đình Lê Thị Thanh Tùng thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia gồm các nội dung sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin hộ gia đình:

- a) Tên chủ hộ: Lê Thị Thanh Tùng  
b) Địa chỉ: 165/9 Nguyễn Du, Phường Cẩm Thành, thị trấn Cẩm Thành, huyện Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi  
c) Số điện thoại: 0985 397 206  
d) Email (nếu có): .....

đ) Mã số khách hàng sử dụng điện: PE06AA 0103369

2. Vị trí lắp đặt: 165/9 Nguyễn Du, Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi

3. Thông tin mô tả sơ bộ về công trình xây dựng:

- a) Kết cấu: Bê tông cốt thép/Khung thép/...; mái bê tông/mái tôn/Mái tôn  
b) Chiều cao công trình: 12 m  
c) Diện tích mái: 50 m<sup>2</sup>

4. Công suất lắp đặt:

- Tổng công suất tấm quang điện (kWp): 8 kWp  
- Tổng sản lượng điện lưu trữ tại hệ thống lưu trữ điện (nếu có, kWh): 16 kWh  
- Tổng công suất định mức của các bộ chuyển đổi nghịch lưu - inverter (kW): 6 kW



5. Phương án xử lý sản lượng điện dư (đánh dấu x vào phương án chọn):

|   |                                                                                                                                                                                                                                                               |   |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| a | Đồng ý bán sản lượng điện dư vào lưới điện của bên mua và chịu trách nhiệm đầu tư, lắp đặt công tơ điện có đo xa và kết nối với hệ thống thu thập dữ liệu từ xa của đơn vị điện lực, bảo đảm thiết bị phù hợp với quy định của pháp luật.                     |   |
| b | Không bán sản lượng điện dư vào lưới điện của bên mua và chịu trách nhiệm đối với việc kiểm định về an toàn điện, tuân thủ các quy trình, quy chuẩn quản lý vận hành công trình điện và các quy định về điều kiện kỹ thuật, nghiệm thu an toàn theo quy định. | x |

6. Thời gian dự kiến lắp đặt và thời gian hoàn thành: 29/09/2026 - 10/10/2026

## II. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản vẽ thiết kế lắp đặt nguồn điện.

2. Bản sao tài liệu liên quan đến công trình có mái nhà theo quy định pháp luật (nếu có) như giấy phép xây dựng, văn bản nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy... làm căn cứ xác định công trình xây dựng đã được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định pháp luật.

## III. CAM KẾT

Hộ gia đình ..... Lê Thị Thanh Tú ..... cam kết thực hiện xây dựng, lắp đặt, vận hành nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ như sau:

- Bảo đảm an toàn công trình, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường trước và trong quá trình lắp đặt nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;
- Mua sắm, xây dựng, lắp đặt các thiết bị phục vụ phát điện bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định pháp luật. Không nhập khẩu các tấm quang điện, thiết bị chuyển đổi điện một chiều thành điện xoay chiều đã qua sử dụng;
- Thực hiện đúng tiến độ đã đăng ký phát triển tại điểm 6 Mục I nêu trên;
- Bảo đảm an toàn xây dựng, an toàn môi trường, phòng cháy chữa cháy trong quá trình vận hành;
- Không vi phạm các quy định trong quá trình phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

### ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên)



LÊ THỊ THANH TÚ



## CERTIFICATE OF QUALITY

Certificate No: 2026090301  
认证号  
Dated: 20260903  
日期

This is to certify that all the goods we have supplied with details below:

Customer name Gigawatt Energy company limited  
客户名  
Address No 85, 12 Street, Quarter 3, An Khanh Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam  
地址

| Purchase Order No. | Invoice No      | Quantity          |      |      |            | Certification Standard | Inspection date |
|--------------------|-----------------|-------------------|------|------|------------|------------------------|-----------------|
|                    |                 | Production type   | Pcs  | Watt | Total Watt |                        |                 |
| Giga-Astro-2608    | 2026ASTROSG2105 | CHSM66RN(DG)/F-BH | 1440 | 630  | 907200     | IEC61215&IEC61730      | 20260903        |
| Total              |                 |                   | 1440 |      | 907200     |                        |                 |

Products meet the quality standard of Astronergy. The warranty are all according to Astronergy Limited Warranty Statement. Details of warranty can be found at: <https://www.astronergy.com/download-center/warranty/>

Sincerely,

Astronergy New Energy Technology(Singapore) PTE,Ltd

(signature) 



# Triplicate

| <b>1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)</b><br>CHINT NEW ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD.<br>NO.1 JISHENG ROAD, JIANSAN NEW ZONE, HAINING CITY, ZHEJIANG PROVINCE, P. R. CHINA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                  |                                                                                                                                | Reference No. E263502083460099<br><br><div style="text-align: center;"> <b>ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA<br/>PREFERENTIAL TARIFF<br/>CERTIFICATE OF ORIGIN<br/>(Combined Declaration and Certificate)</b> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> <b>FORM E</b> </div> Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u><br>(Country)<br><br>See Overleaf Notes                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                     |                                      |                |                                  |                                                                                                                                |                                         |                                                                                                     |                              |   |     |                                                                           |      |                          |                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---|-----|---------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------|--------------------------------------|
| <b>2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)</b><br>GIGAWATT ENERGY COMPANY LIMITED<br>NO. 85, 12 STREET, QUARTER 3, AN KHANH WARD, HOCHIMINH CITY, VIETNAM<br>HUY LE QUANG 028 66836809<br>TAX CODE:0314312271                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                  |                                                                                                                                | <b>4. For Official Use</b> Verification:origin.customs.gov.cn<br><br><input type="checkbox"/> <u>Preferential Treatment Given</u><br><br><input type="checkbox"/> <u>Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</u><br><br>-----<br>Signature of Authorised Signatory of the Importing Party                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                     |                                      |                |                                  |                                                                                                                                |                                         |                                                                                                     |                              |   |     |                                                                           |      |                          |                                      |
| <b>3. Means of transport and route (as far as known)</b><br><br>Departure date SEP. 08, 2026<br><br>Vessel's name / Aircraft etc.      MAERSK KEELUNG      636S<br><br>Port of Discharge HO CHI MINH, VIET NAM<br><br>FROM NINGBO, CHINA TO HO CHI MINH, VIET NAM BY SEA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                  |                                                                                                                                | <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 10%;">5. Item Number</th> <th style="width: 10%;">6. Marks and numbers on packages</th> <th style="width: 30%;">7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)</th> <th style="width: 10%;">8. Origin criteria (see Overleaf Notes)</th> <th style="width: 15%;">9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied</th> <th style="width: 15%;">10. Number, date of invoices</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center; vertical-align: top;">1</td> <td style="vertical-align: top;">N/M</td> <td style="vertical-align: top;">                     FORTY (40) PALLETS OF SOLAR MODULE 630W<br/>                     HS CODE: 8541.43<br/><br/>                     *** **</td> <td style="vertical-align: top;">"PE"</td> <td style="vertical-align: top;">                     47596KGS G.W.<br/>                     1440PCS                 </td> <td style="vertical-align: top;">                     2026ASTROSG2<br/>                     105<br/>                     SEP. 08, 2026                 </td> </tr> </table> |                                                                                                     |                                      | 5. Item Number | 6. Marks and numbers on packages | 7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code) | 8. Origin criteria (see Overleaf Notes) | 9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied | 10. Number, date of invoices | 1 | N/M | FORTY (40) PALLETS OF SOLAR MODULE 630W<br>HS CODE: 8541.43<br><br>*** ** | "PE" | 47596KGS G.W.<br>1440PCS | 2026ASTROSG2<br>105<br>SEP. 08, 2026 |
| 5. Item Number                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6. Marks and numbers on packages | 7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code) | 8. Origin criteria (see Overleaf Notes)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied | 10. Number, date of invoices         |                |                                  |                                                                                                                                |                                         |                                                                                                     |                              |   |     |                                                                           |      |                          |                                      |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | N/M                              | FORTY (40) PALLETS OF SOLAR MODULE 630W<br>HS CODE: 8541.43<br><br>*** **                                                      | "PE"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 47596KGS G.W.<br>1440PCS                                                                            | 2026ASTROSG2<br>105<br>SEP. 08, 2026 |                |                                  |                                                                                                                                |                                         |                                                                                                     |                              |   |     |                                                                           |      |                          |                                      |
| <b>11. Declaration by the exporter</b><br><br>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in<br><div style="text-align: center;">CHINA</div> -----<br>(Country)<br><br>and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to<br><div style="text-align: center;">VIET NAM</div> -----<br>(Importing Country)<br><div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <div style="text-align: left;"> <b>正泰新能科技股份有限公司</b><br/>                     Hangzhou, China, SEP. 16, 2026<br/>                     Chint New Energy Technology Co., Ltd.                 </div> <div style="text-align: right;"> </div> </div> Place and date, signature of authorised signatory |                                  |                                                                                                                                | <b>12. Certification</b><br><br>It is hereby certified on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.<br><br><div style="text-align: center;"> </div> <div style="text-align: right; margin-top: 20px;"> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 20px;"> <br/> <b>2629001296956</b><br/>                     Hangzhou, China, SEP. 16, 2026                 </div> Place and date, signature and stamp of certifying authority                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                     |                                      |                |                                  |                                                                                                                                |                                         |                                                                                                     |                              |   |     |                                                                           |      |                          |                                      |
| <b>13.</b><br><input checked="" type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition<br><input type="checkbox"/> Movement Certificate <input checked="" type="checkbox"/> Third Party Invoicing                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                     |                                      |                |                                  |                                                                                                                                |                                         |                                                                                                     |                              |   |     |                                                                           |      |                          |                                      |



## Original

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                  |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                     |                                         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)<br>SHENZHEN SENERGY TECHNOLOGY CO., LTD.<br>BLOCK D, BC PARK, NO.18, XIUSHA RD.,<br>PINGSHAN DISTRICT, SHENZHEN, P.R. CHINA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                  |                                                                                                                                                                                                                      | Reference No. E263597929640027<br><b>ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA<br/>         PREFERENTIAL TARIFF<br/>         CERTIFICATE OF ORIGIN<br/>         (Combined Declaration and Certificate)</b><br><br><b>FORM E</b><br><br>Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u><br>(Country)<br><br><u>See Overleaf Notes</u>                                                                                                                            |                                                                                                     |                                         |
| 2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)<br>GIGAWATT ENERGY COMPANY LIMITED<br>ADD: NO. 85, STREET 12, AN KHANH WARD, HO CHI MINH<br>CITY, VIET NAM.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  |                                                                                                                                                                                                                      | 4. For Official Use<br>Verification: origin. customs. gov. cn<br><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given<br><br><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                     |                                         |
| 3. Means of transport and route (as far as known)<br><br>Departure date AUG. 14, 2026<br><br>Vessel's name / Aircraft etc. MSC PALATIUM III HZ633A<br><br>Port of Discharge HOCHIMINH NEW PORT, VIET NAM<br><br>FROM SHEKOU, CHINA TO HOCHIMINH NEW PORT, VIET NAM<br>BY SEA                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |                                                                                                                                                                                                                      | Signature of Authorised Signatory of the Importing Party                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                     |                                         |
| 5. Item Number                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6. Marks and numbers on packages | 7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)                                                                                       | 8. Origin criteria (see Overleaf Notes)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied | 10. Number, date of invoices            |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | N/M                              | SIX HUNDRED AND SEVENTY TWO (672) CTNS<br>OF SOLAR INVERTER<br>HS CODE: 8504. 40<br>SE 6KHB-D1/LV-ECO-II<br><br>TOTAL: FORTY-EIGHT (48) PALLETS ONLY.<br>TOTAL: SIX HUNDRED SEVENTY-TWO<br>(672) CTNS.<br><br>*** ** | "PE"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 672PIECES                                                                                           | C1SAVN202605<br>19FX02<br>AUG. 07, 2026 |
| 11. Declaration by the exporter<br><br>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in<br><u>CHINA</u><br>(Country)<br><br>and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to<br><u>VIET NAM</u><br>(Importing Country)<br><br>Place and date, signature of authorised signatory<br>Shenzhen, China, AUG. 25, 2026<br> |                                  |                                                                                                                                                                                                                      | 12. Certification<br><br>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.<br><br><br><br><br>2653000357484<br>Shenzhen, China, AUG. 25, 2026<br>Place and date, signature and stamp of certifying authority |                                                                                                     |                                         |
| 13.<br><input checked="" type="checkbox"/> Issued Retroactively<br><input type="checkbox"/> Movement Certificate                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |                                                                                                                                                                                                                      | <input type="checkbox"/> Exhibition<br><input type="checkbox"/> Third Party Invoicing                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                     |                                         |

265339007209630



Date: 24/02/2026

## CERTIFICATE OF QUALITY

We hereby certify that the materials and processing used to manufacture products meet applicable specification listed on purchasing documents, bills of material.

All process required in the production of the parts of materials furnished against the applicable purchase order were and will be performed with equipment and by personal specifically qualified or certified by Senergy when such qualification are required by the purchase order or by the specification.

### Customer information

Company name: Gigawatt Energy Company Limited

Brand name: SENERGY/

Manufacturer: Shenzhen Senergy Technology Co., Ltd.

Factory Address: APD Shenzhen DK Inc, 1-5/F, No.1, Fengwei Street, Dakang Community, Henggang Sub-district, Langgang District, Shenzhen, Guangdong, P.R.China.

### Model name:

SE 6K GREEN, SE 6K ECO, SE 6K PRO, SE 12K PRO, SE 3K6TL-S1/G3, SE 5KTL-D1/G2R,  
SE 5KTL-S1/G2R, SE 6KTL-D1/G3, SE 6KTL-S1/G3, SE 8KTL-T1, SE 10KTL-T1

SE 10KTL-D3/G2P, SE 15KTL-D3/G2P, SE 20KTL-D3/G2, SE 30KTL-D2/G3, SE 50KTL-Q3/G2,  
SE 60KTL-Q3/G2, SE 99KTL-M3, SE 125KTL-M3

SE 16K Pro3, SE 20K Pro3

Warranty: Provide 5-years warranty for Single Phase hybrid inverter, 7-years warranty for Single Phase on-gird inverter started from the shipping date.

Sincerely,



Overseas Sales Manager

Shenzhen Senergy Technology Co., Ltd.



Date:01/06/2026

## CERTIFICATE OF QUALITY

We hereby certify that the materials and processing used to manufacture products meet applicable specification listed on purchasing documents,bills of material.

All process required in the production of the parts of materials furnished against the applicable purchase order were and will be performed with equipment and by personal specifically qualified or certified by Senergy when such qualification are required by the purchase order or by the specification.

Customer information

Company name: Gigawatt Energy Company Limited

Brand name: Senergy/ 

Manufacturer: Shenzhen Senergy Technology Co., Ltd.

Factory Address: APD Shenzhen DK Inc., 1-5/F, No.1, Fengwei Street, Dakang Community, Henggang Sub-district, Langgang District, Shenzhen, Guangdong, P.R. China.

Model name: SE 16.0B-L

Warranty: Provide 10-years warranty started from the shippingdate.

Sincerely,



*Lincoln Zou*  
Overseas Sales Manager

Shenzhen Senergy Technology Co., Ltd.



## Original

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                  |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                     |                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)<br>SHENZHEN SENERGY TECHNOLOGY CO., LTD.<br>BLOCK D, BC PARK, NO.18, XIUSHA RD.,<br>PINGSHAN DISTRICT, SHENZHEN, P.R. CHINA                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                  |                                                                                                                                                                                                                     | Reference No. E263597929640027<br><br><b>ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA<br/>         PREFERENTIAL TARIFF<br/>         CERTIFICATE OF ORIGIN<br/>         (Combined Declaration and Certificate)</b><br><br><b>FORM E</b><br><br>Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u><br>(Country)<br><br>See Overleaf Notes                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                     |                                          |
| 2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)<br>GIGAWATT ENERGY COMPANY LIMITED<br>ADD: NO. 85, STREET 12, AN KHANH WARD, HO CHI MINH<br>CITY, VIET NAM.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |                                                                                                                                                                                                                     | 4. For Official Use Verification: origin. customs. gov. cn<br><br><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given<br><br><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                     |                                          |
| 3. Means of transport and route (as far as known)<br><br>Departure date AUG. 14, 2026<br><br>Vessel's name / Aircraft etc. MSC PALATIUM III HZ633A<br><br>Port of Discharge HOCHIMINH NEW PORT, VIET NAM<br><br>FROM SHEKOU, CHINA TO HOCHIMINH NEW PORT, VIET NAM<br>BY SEA                                                                                                                                                                                                              |                                  |                                                                                                                                                                                                                     | Signature of Authorised Signatory of the Importing Party                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                     |                                          |
| 5. Item Number                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6. Marks and numbers on packages | 7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)                                                                                      | 8. Origin criteria (see Overleaf Notes)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied | 10. Number, date of Invoices             |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | N/M                              | SIX HUNDRED AND SEVENTY TWO (672) CTNS<br>OF SOLAR INVERTER<br>HS CODE: 8504.40<br>SE 6KHB-D1/LV-ECO-II<br><br>TOTAL: FORTY-EIGHT (48) PALLETS ONLY.<br>TOTAL: SIX HUNDRED SEVENTY-TWO<br>(672) CTNS.<br><br>*** ** | "PE"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 672 PIECES                                                                                          | CTS AVN202605<br>19FX02<br>AUG. 07, 2026 |
| 11. Declaration by the exporter<br><br>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in<br><u>CHINA</u><br>(Country)<br><br>and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to<br><u>VIET NAM</u><br>(Importing Country)<br><br>Shenzhen, China, AUG. 25, 2026<br>Place and date, signature of authorised signatory |                                  |                                                                                                                                                                                                                     | 12. Certification<br><br>It is hereby certified on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.<br><br><br><br><br><br><br>2653000357484<br>Shenzhen, China, AUG. 25, 2026<br>Place and date, signature and stamp of certifying authority |                                                                                                     |                                          |
| 13.<br><input checked="" type="checkbox"/> Issued Retroactively<br><input type="checkbox"/> Movement Certificate                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                  |                                                                                                                                                                                                                     | <input type="checkbox"/> Exhibition<br><input type="checkbox"/> Third Party Invoicing                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                     |                                          |



## Original

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                     |                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)<br>SHENZHEN SENERGY TECHNOLOGY CO., LTD.<br>BLOCK D, BC PARK, NO.18, XIUSHA RD.,<br>PINGSHAN DISTRICT, SHENZHEN, P.R. CHINA                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  |                                                                                                                                                                                                                             | Reference No. E263597929640024<br>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                     |                                         |
| 2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)<br>GIGAWATT ENERGY COMPANY LIMITED<br>ADD: NO. 85, 12 STREET, QUARTER 3, AN KHANH WARD, HO<br>CHIMINH CITY, VIETNAM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                  |                                                                                                                                                                                                                             | <b>ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA<br/>         PREFERENTIAL TARIFF<br/>         CERTIFICATE OF ORIGIN<br/>         (Combined Declaration and Certificate)</b><br><br><b>FORM E</b><br><br>Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u><br>(Country)<br><br>See Overleaf Notes                                                                                                                                                                                        |                                                                                                     |                                         |
| 3. Means of transport and route (as far as known)<br><br>Departure date AUG. 04, 2026<br><br>Vessel's name / Aircraft etc. ERASMUS EFFORT / 6325<br><br>Port of Discharge HOCHIMINH, VIETNAM<br><br>FROM NANSHA, CHINA TO HOCHIMINH, VIETNAM BY SEA                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  |                                                                                                                                                                                                                             | 4. For Official Use<br>Verification: origin. customs. gov. cn<br><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given<br><br><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)<br><br>-----<br>Signature of Authorised Signatory of the Importing Party                                                                                                                                                                             |                                                                                                     |                                         |
| 5. Item Number                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6. Marks and numbers on packages | 7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)                                                                                              | 8. Origin criteria (see Overleaf Notes)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied | 10. Number, date of Invoices            |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | N/M                              | ONE HUNDRED AND NINETY TWO (192) CTNS<br>OF SOLAR INVERTER AND ACCESSORIES<br>HS CODE: 8507.60<br>SE 16.0B-L<br><br>TOTAL: FORTY-EIGHT (48) PALLETS<br>ONLY, TOTAL: ONE HUNDRED AND<br>NINETY-TWO (192) CTNS.<br><br>*** ** | "PE"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 192PIECES                                                                                           | CISAVN202605<br>19FX04<br>AUG. 04, 2026 |
| 11. Declaration by the exporter<br><br>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in<br><u>CHINA</u><br>(Country)<br><br>-----<br>and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to<br><u>VIETNAM</u><br>(Importing Country)<br><br>-----<br>Shenzhen, China, AUG. 11, 2026<br>Place and date, signature of authorised signatory |                                  |                                                                                                                                                                                                                             | 12. Certification<br><br>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.<br><br><br><br>王舒琪<br><br><br>2653000322217<br>-----<br>Shenzhen, China, AUG. 11, 2026<br>Place and date, signature and stamp of certifying authority |                                                                                                     |                                         |
| 13.<br><input checked="" type="checkbox"/> Issued Retroactively<br><input type="checkbox"/> Movement Certificate<br><input type="checkbox"/> Exhibition<br><input type="checkbox"/> Third Party Invoicing                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                  |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                     |                                         |

265339006843917



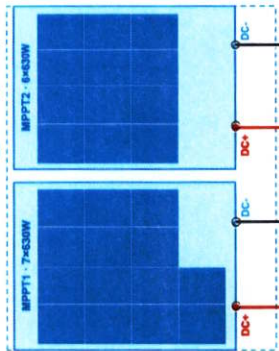
# TriPLICATE

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                         |                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                            |                                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <b>1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)</b><br>SHENZHEN SENERGY TECHNOLOGY CO., LTD.<br>BLOCK D, BC PARK, NO.18, XIUSHA RD.,<br>PINGSHAN DISTRICT, SHENZHEN, P. R. CHINA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                         |                                                                                                                                                                                                                    | Reference No. E263597929640024<br><br><div style="text-align: center;"> <b>ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA</b><br/> <b>PREFERENTIAL TARIFF</b><br/> <b>CERTIFICATE OF ORIGIN</b><br/> <b>(Combined Declaration and Certificate)</b><br/><br/> <b>FORM E</b> </div> Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u><br>(Country)<br><br>See Overleaf Notes                                                                                                                                          |                                                                                                            |                                          |
| <b>2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)</b><br>GIGAWATT ENERGY COMPANY LIMITED<br>ADD: NO. 85, 12 STREET, QUARTER 3, AN KHANH WARD, HO CHIMINH CITY, VIETNAM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                         |                                                                                                                                                                                                                    | <b>4. For Official Use</b> Verification: origin.customs.gov.cn<br><br><input type="checkbox"/> <u>Preferential Treatment Given</u><br><br><input type="checkbox"/> <u>Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</u><br><br>-----<br>Signature of Authorised Signatory of the Importing Party                                                                                                                                                                                    |                                                                                                            |                                          |
| <b>3. Means of transport and route (as far as known)</b><br><br>Departure date AUG. 04, 2026<br><br>Vessel's name / Aircraft etc. <u>ERASMUS EFFORT / 632S</u><br><br>Port of Discharge <u>HOCHIMINH, VIETNAM</u><br><br>FROM NANSHA, CHINA TO HOCHIMINH, VIETNAM BY SEA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                            |                                          |
| <b>5. Item Number</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>6. Marks and numbers on packages</b> | <b>7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)</b>                                                                              | <b>8. Origin criteria (see Overleaf Notes)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied</b> | <b>10. Number, date of Invoices</b>      |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | N/M                                     | ONE HUNDRED AND NINETY TWO (192) CTNS OF SOLAR INVERTER AND ACCESSORIES<br>HS CODE: 8507.60<br>SE 16.0B-L<br><br>TOTAL: FORTY-EIGHT (48) PALLETS ONLY. TOTAL: ONE HUNDRED AND NINETY-TWO (192) CTNS.<br><br>*** ** | "PE"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 192PIECES                                                                                                  | CISA VN202605<br>19FX04<br>AUG. 04, 2026 |
| <b>11. Declaration by the exporter</b><br><br>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in<br><div style="text-align: center;"> <u>CHINA</u><br/>                 (Country)             </div> <div style="display: flex; align-items: center; margin-top: 10px;"> <div>                 and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to<br/> <u>VIETNAM</u><br/>                 (Importing Country)<br/><br/> <u>Shenzhen, China, AUG. 11, 2026</u><br/>                 Place and date, signature of authorised signatory             </div> </div> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;"> </div> |                                         |                                                                                                                                                                                                                    | <b>12. Certification</b><br><br>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.<br><br><div style="text-align: center;"> </div> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;"> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 20px;"> <br/>                 2653000332217<br/> <u>Shenzhen, China, AUG. 11, 2026</u><br/>                 Place and date, signature and stamp of certifying authority             </div> |                                                                                                            |                                          |
| <b>13.</b><br><input checked="" type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition<br><input type="checkbox"/> Movement Certificate <input type="checkbox"/> Third Party Invoicing                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                         |                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                            |                                          |

265339006843917

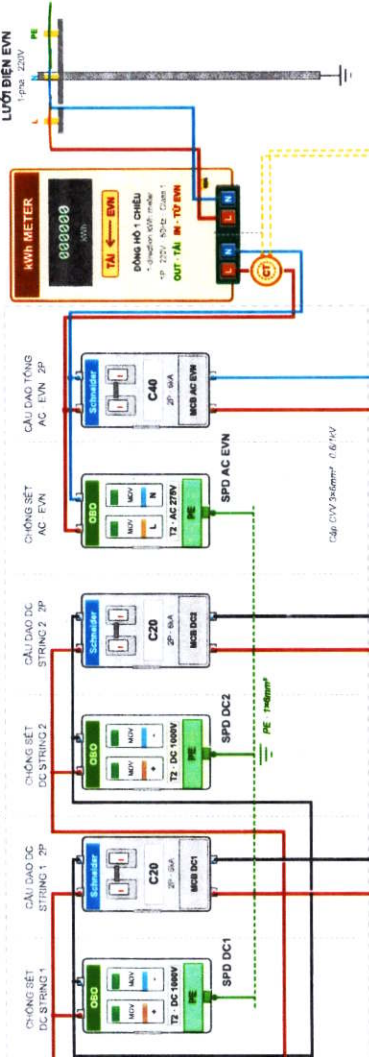


PV STRINGS — Astronergy 630Wp (13 tấm)



Cáp PV 7 lõi 4mm² - 1500V DC

TỦ ĐIỆN DC & KẾT NỐI EVN - DC & EVN CABINET



SENERGY SE 6KHB-120

BIẾN TẦN 1P HYBRID

Công suất: 6.0 kW

1P - 220V - 50Hz

Map PV 9.0kW / MPPT 2 (AC out: 6.0kW) 1P - 220V/50V

ALARM

WV

PV

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

BACKUP

GRID

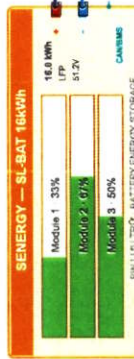
BACKUP

GRID

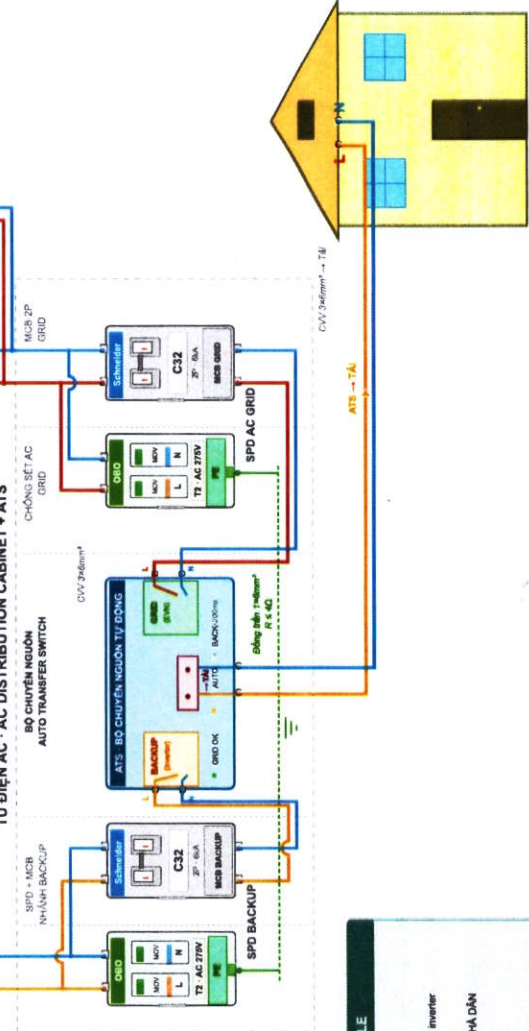
BACKUP

GRID

BACKUP



TỦ ĐIỆN AC - AC DISTRIBUTION CABINET + ATS



TÀI LIỆU

PRIORITY LOAD

# THÔNG SỐ HỆ THỐNG / SYSTEM SPEC

Công suất PV: 8.19 kWp (13 x 630Wp)  
 Tấm pin: Astronergy Mono 630Wp  
 Biến tần: Senergy SE 6KHB-120 — 6.0kW  
 Pin lưu trữ: Senergy 16.0kWh LFP  
 Cấu hình: 1P HYBRID  
 Tiêu chuẩn: TCVN 7447 - IEC 62109 - UL 1741

## BẢNG THÔNG SỐ VẬT TƯ CHÍNH - MAIN EQUIPMENT SPEC

| STT | Tên thiết bị         | Hãng / Model               | Thông số kỹ thuật                                       | SL |
|-----|----------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------|----|
| 1   | Tấm pin MLIMIT (Tấm) | Astronergy ASTRO N7H 630Wp | Monocrystalline TOPCon Mono 16.6A, 23.7% - 2382x1134mm  | 13 |
| 2   | Biến tần 1P Hybrid   | Senergy SE 6KHB-120        | Pin 8.0kW HB 2 MPPT PV 70.5kWV PVmax 550V Batt 40.4V    | 1  |
| 3   | Pin lưu trữ LFP      | Senergy SL-BAT 16kWh       | 16.0kWh LFP40A 51.2V 16S 90% DoD CAN/UL954              | 1  |
| 4   | MCB DC               | Schneider C60H-DC          | 2P - C20 - 1000V DC Icu=1.5kA Cat. B                    | 2  |
| 5   | MCB AC               | Schneider IC60N            | 2P - C32/C45 - 230V AC Icu=6kA Curve C - cấp CVM 3x6mm² | 3  |
| 6   | SPD DC Type 2        | OBO V20-C 2P-400           | 800V DC Up to 5kV In=20kA Imp=40kA EN 61643-31          | 2  |
| 7   | SPD AC Type 2        | OBO V50-B-C HNPE           | 2P - 275V AC - Up to 1kV Imp=12.5kA In=20kA             | 2  |
| 8   | ATS chuyển nguồn     | Socomec ATYS M             | 2P - 63A 230V AC Chuyển từ dòng < 200ms                 | 1  |
| 9   | Cáp DC solar         | PV1-F 14mm²                | 1500V DC CuxLPE Chống UV -40...+90°C                    | —  |
| 10  | Cáp AC               | Cadivi CVM 3x6mm²          | 0.6/1kV 600V AC CuxPVC/PE                               | —  |
| 11  | Cáp tiếp địa         | Đồng trần 16mm²            | Cu R 5.4.0 Mối nối + không pin                          | —  |

## CHÚ THÍCH ĐƯỜNG DÂY - WIRE LEGEND

— DC - L pha GRID — L pha BACKUP — N (trung tính) — PE (hộp địa) — Pin BAT (+)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG VŨ SƠN**  
 TSC: 101 Tĩnh Lộ 44A, xã Long Điền, TP Hồ Chí Minh  
 ĐT: 0908 536 736  
 CN: 541 Phan Đình Phùng, P. Cẩm Thành, Quảng Ngãi  
 ĐT: 090 4465 091

CHỦ ĐẦU TƯ: Hệ 8.19kWp — 1 pha + lưu trữ 16kWh

DỰ ÁN: Hệ thống ĐMT áp mái — Tổng thầu EPC: Vũ Sơn Solar

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ ĐẦU NỐI ĐIỆN MẶT TRỜI - 1 PHA HYBRID

|                           |                  |                  |
|---------------------------|------------------|------------------|
| THIẾT KẾ                  | KIỂM TRA         | DUYỆT / DỒNG ĐẦU |
| NGÔ VĂN THIỆN             | NGUYỄN VĂN KHÁNH | LÊ VĨ THANH      |
| SỐ BẢN VẼ                 | NGÀY / DATE      | SỬA ĐỔI          |
| <b>VSS.SDNL.1PHB-SEN6</b> |                  |                  |
| TỶ LỆ / SCALE             | TRANG / PAGE     |                  |

## NGUYÊN LÝ ĐẦU NỐI - CONNECTION PRINCIPLE

1. DC: Tấm PV → SPD DC → MCB DC → Inverter MPPT1/2 (2 string)
2. BATTERY: Pin LFP → công BAT Inverter (không 2 chiều)
3. GRID: Lưới 1 chiều → đồng N → MCB-AC-EVN → công GRID Inverter
4. BACKUP: Công BACKUP Inverter → SPD + MCB BACKUP → ATS source 1
5. ATS: Source 1 = BACKUP; Source 2 = GRID (bỏ MCB-GRID bypass) → TÀI NHÀ DÂN
6. PE: Bus tiếp địa chung từ DC - AC, R ≤ 4 Ω
7. ATS ưu tiên BACKUP: Inverter từ → GRID bypass < 200 ms
8. Pin LFP 51.2V - cấp pin 35-50mm² + CB DC -160A - IEC PV 16.3A > 15A/MPPT — xác nhận hàng



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ỦY QUYỀN**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào nhu cầu của các bên.

**BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):**

Họ và tên: Lê Thị Thanh Tùng

Ngày sinh: 14/12/1956

CCCD/Hộ chiếu số: 051156010004 Cấp ngày: 28/06/2021 Nơi cấp: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: 0914455252

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B):**

Họ và tên: Phạm Hồng Ngoan

Ngày sinh: 06/02/2002

CCCD/Hộ chiếu số: 051202005454 Cấp ngày: 27/11/2021 Nơi cấp: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Xã Tịnh Khê, Tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: 0346307676

**NỘI DUNG ỦY QUYỀN:**

Bằng giấy này, Bên A ủy quyền cho Bên B nhân danh Bên A thực hiện các công việc sau:

Thông báo phát triển diện mặt trời áp mái cho:

- Văn phòng công chứng Thủy Tùng, tại địa chỉ: 27 Phạm Văn Đồng, Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Hộ gia đình nhà Lê Thị Thanh Tùng, tại địa chỉ: 165/9 Nguyễn Du, Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi.

Bên B được thay mặt Bên A nộp các các giấy tờ, tài liệu liên quan trên cổng thông tin điện tử và chịu trách nhiệm về việc thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

**THỜI HẠN ỦY QUYỀN:**

Kể từ ngày 30/09/2026 đến ngày 30/10/2026 (hoặc đến khi hoàn thành công việc).

Giấy ủy quyền được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

**BÊN ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
  
LÊ THỊ THANH TÙNG

*Quảng Ngãi*, ngày *30* tháng *09* năm *2026*

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Phạm Hồng Ngọc